

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Từ ngày 01/11/2013

Đến ngày 30/06/2014

A. Một số thông tin về doanh nghiệp :

1. Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ Phần Nước Sóc Trăng
2. Địa chỉ trụ sở chính : D4, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, P7, TPST điện thoại: Fax:
3. Giấy đăng ký kinh doanh số 2200680885 Ngày cấp: 03/12/2013 Nơi cấp : Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt: Khai thác, xử lý, và cung cấp nước
5. Số điện thoại : 0913 983 655 Fax:
6. Vốn điều lệ : 43.400 triệu đồng

Trong đó : Vốn góp của Nhà nước : 12.586 triệu đồng

7. Vốn chủ sở hữu hiện có đến 30/06/2014 : 6.985 triệu đồng.

B. Một số chỉ tiêu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100-BCĐKT		5.427.803.606
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT		797.664.687
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT		4.603.840.000
Trong đó : Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT		
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		26.298.919
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	200-BCĐKT		1.147.804.136
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT		1.147.804.136
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT		1.004.950.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		142.854.136
3. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT		
I. NỢ PHẢI TRẢ	300-BCĐKT		88.450.000
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT		88.450.000
Trong đó : Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400-BCĐKT		6.487.157.742
1. Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT		6.487.157.742
Trong đó : Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT		6.985.289.300
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT		

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU (tiếp theo)

V.Kết quả kinh doanh		Năm 2013	Năm 2014
1.Tổng doanh thu			530.880
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD		
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD		
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		530.880
2. Tổng chi phí			498.662.438
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD		(498.131.558)
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD		
VI. Tổng số phát sinh phải nộp NS			4.950.000
Trong đó : các loại thuế			4.950.000
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)			
3. Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu (%)			0,014
4. Tổng quỹ lương			160.500.000
5. Số lao động bình quân (người)			3
6. Tiền lương bình quân người			6.687.500
7. Thu nhập bình quân người			6.687.500

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2014



Người đại diện

Đặng Văn Ngo